

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày 05-11-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bá Tiến

Ông Lê Á

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 42/2019/TLST-DS ngày 15/5/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-DS ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank).

Trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/ UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 và Văn bản ủy quyền số 3036/2019/ UQ-VPB ngày 22/4/2019; Giấy ủy quyền số 6961/2019/UQ-VPB ngày 09/9/2019):

1/ Ông **Mai Quốc V**, chức vụ: Cán bộ xử L nợ - VPBank AMC.(vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Đắc Hùng S**, chức vụ: Cán bộ xử L nợ VPBank AMC. (vắng mặt)

3/ Ông **Hoàng Đức Q**, chức vụ: Cán bộ xử L nợ VPBank AMC. (vắng mặt)

4/ Ông **Trần Văn L**, chức vụ: Cán bộ xử L nợ VPBank AMC.(có mặt)

Cùng địa chỉ: Ngân hàng TMCP Việt Nam T chi nhánh Đà Nẵng, tầng 4, số 112 Phan Chu Tr, phường P, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị K**, sinh năm: 1955 .(vắng mặt)

Địa chỉ: đường Lưu Quang V, tổ 89, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, văn bản trình bày, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) ông Trần Văn L trình bày:

Bà Phạm Thị K ký hợp đồng tín dụng vay của VPBANK Hải Châu theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số LD 1620900334(8471053), giải ngân ngày 27/7/2016 được thể hiện bằng Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể theo hợp đồng:

Bà K vay số tiền vay 70.000.000đ.

Thời hạn vay 34 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, tức là tính từ ngày 27/07/2016 đến ngày 27/05/2019.

Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng

Theo thỏa thuận hợp đồng, bà K vay theo hình thức tín chấp; mức lãi suất thỏa thuận trong hạn là 30%/năm; mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, mặc dù hợp đồng chưa hết thời hạn nhưng do bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) được quy định tại Điều 6 Hợp đồng nên chúng tôi khởi kiện buộc bà K phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Quá trình vay, bà K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 35.717.905đ trong 20 lần. Cụ thể: thanh toán từ ngày 29/8/2016 đến ngày 14/5/2018.

Và đã thanh toán số tiền nợ lãi là: 29.779.955đ, thanh toán trong 20 lần. Trong đó nợ lãi trong hạn bà K đã thanh toán là 28.812.697đ; nợ lãi quá hạn bà K đã thanh toán là 967.258đ.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Phạm Thị K phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay theo Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số LD 1620900334(8471053), giải ngân ngày 27/7/2016. Cụ thể: số tiền bà K nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 01/10/2019 là: Nợ gốc 34.282.095đ; nợ lãi 21.697.009đ; tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/10/2019 là 55.979.104đ (Năm mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm lẻ bốn đồng). Ngoài ra Ngân hàng còn đề nghị bà K phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh, phạt chậm trả theo thỏa thuận tại Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm

Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 27/7/2016 cho đến ngày bà K thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng tôi xác nhận lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà bà K còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) tính đến ngày xét xử (ngày 05/11/2019) mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu bà K phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 34.282.095đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019: 23.221.848đ (lãi trong hạn là 496.991đ tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày 26/4/2018; lãi quá hạn là 22.724.857đ tính từ ngày 27/4/2018 đến ngày 05/11/2019); Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi Ngân hàng yêu cầu là: 57.503.943đ.

** Bị đơn bà Phạm Thị K đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ L vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để bà K trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay bà K vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 12 tháng 7 năm 2019 bà K đã trình bày ý kiến như sau:*

Tôi thống nhất với nội dung khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) về hợp đồng tín dụng, số tiền gốc đã vay, mức lãi suất vay, thời hạn vay như nội dung khởi kiện của Ngân hàng trình bày là đúng.

Hiện nay tôi còn nợ số tiền nợ gốc và lãi như yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Đại diện Ngân hàng yêu cầu tôi trả số tiền nợ gốc, nợ lãi như đã nêu trong đơn khởi kiện thì tôi đồng ý trả. Tuy nhiên, việc tôi vay Ngân hàng số tiền nêu trên là vay dùm cho một người bạn hiện đã đi sang Mỹ; trước đây người này có gửi tiền về để tôi trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, gần một năm nay người bạn đó không gửi tiền về và tôi cũng không liên lạc được nên tôi mới bị Ngân hàng khởi kiện ra Tòa.

Nay tôi xác nhận có nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2019 như Ngân hàng yêu cầu nhưng xin Ngân hàng cho tôi kéo dài thời gian trả nợ để tôi có thể thông báo cho người bạn ở Mỹ gửi tiền về cho tôi trả nợ cho Ngân hàng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn bà Phạm Thị K.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà K.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; án lệ số 08: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với bà Phạm Thị K. Buộc bà K phải trả cho

Ngân hàng số tiền 57.503.943đ. Trong đó: Nợ gốc 34.282.095đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019: 23.221.848đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà K phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Phạm Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Phạm Thị K phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay theo Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD 1620900334(8471053), giải ngân ngày 27/7/2016. Cụ thể: số tiền bà K nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 01/10/2019 là: Nợ gốc 34.282.095đ; nợ lãi 21.697.009đ; tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/10/2019 là 55.979.104đ (Năm mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm lẻ bốn đồng). Ngoài ra Ngân hàng còn đề nghị bà K phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh, phạt chậm trả theo thỏa thuận tại Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 27/7/2016 cho đến ngày bà K thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng xác nhận lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà bà K còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) tính đến ngày xét xử (ngày 05/11/2019) là: Nợ gốc: 34.282.095đ; Nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 23.221.848đ (lãi trong hạn 1496.991đ tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày 26/4/2018; lãi quá hạn 22.724.857đ tính từ ngày 27/4/2018 đến ngày 05/11/2019). Tổng cộng số tiền Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà K phải trả là 57.503.943đ. Đối với tiền phạt chậm trả Ngân hàng không yêu cầu.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Phạm Thị K để bà K đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà K chỉ đến Tòa án 01 lần vào phiên hòa giải ngày 12 tháng 7 năm 2019 và cung cấp ý kiến.

Những lần triệu tập hòa giải sau và triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa bà K đều vắng mặt.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 12/7/2016 bà Phạm Thị K ký hợp đồng tín dụng vay của VPBANK Hải Châu theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số LD 1620900334(8471053) và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 13/7/2016; được giải ngân ngày 27/7/2016 với nội dung:

Bà K vay số tiền vay 70.000.000đ.

Thời hạn vay 34 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, tức là tính từ ngày 27/07/2016 đến ngày 27/05/2019.

Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng

Theo thỏa thuận hợp đồng, bà K vay theo hình thức tín chấp; mức lãi suất thỏa thuận trong hạn là 30%/năm; mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Yêu cầu vay tiền của bà K đã được Ngân hàng TMCP Việt Nam T phê duyệt bằng Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số LD 1620900334(8471053) và giải ngân ngày 27/7/2016, vay không có tài sản đảm bảo và phía Ngân hàng cũng đã thực hiện việc giải ngân số tiền mà bà K vay vào ngày 27/7/2016.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà K có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi trả trong vòng 34 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, tức là tính từ ngày 27/07/2016 đến ngày 27/05/2019.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng bà K mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T được số tiền nợ gốc là: 35.717.905đ; nợ lãi là: 29.779.955đ (Trong đó nợ lãi trong hạn là 28.812.697đ; nợ lãi quá hạn là 967.258đ).

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi của bà K tính đến ngày xét xử (ngày 05/11/2019) mà Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà K phải trả là 57.503.943đ . Trong đó: nợ gốc 34.282.095đ; nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 23.221.848đ; đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng Ngân hàng không yêu cầu.

[2.4] HĐXX thấy: Do bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết nên việc Ngân hàng TMCP Việt Nam T chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với bà K và khởi kiện để yêu cầu bà K thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với thỏa thuận đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và bà Phạm Thị K thể hiện tại Điều 2; Điều 6; Điều 7 Mục II của Bản Điều Khoản và Điều Kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân kèm theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân

hàng điện tử và vay vốn (kiêm Hợp đồng tín dụng) được ký và Ngân hàng phê duyệt ngày 13/7/2016.

[2.5] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp; ý kiến trình bày của nguyên đơn và bị đơn. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T, buộc bà Phạm Thị K phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 57.503.943đ (trong đó: nợ gốc 34.282.095đ; nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 23.221.848đ) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với yêu cầu xin trả dần và kéo dài thời gian trả nợ của bà K không được Ngân hàng đồng ý nên HĐXX không có cơ sở xem xét được.

[2.6] Án phí dân sự sơ thẩm bà K phải chịu là 2.875.197đ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.177.985đ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

[2.7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

- Căn cứ quy định tại Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; án lệ số 08: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với bà Phạm Thị K. Buộc bà K phải trả cho Ngân hàng số tiền 57.503.943đ. Trong đó nợ gốc 34.282.095đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử 05/11/2019 là 23.221.848đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà K phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 3; khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với bà Phạm Thị K về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Phạm Thị K phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 57.503.943đ (Năm mươi bảy triệu, năm trăm lẻ ba ngàn, chín trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc 34.282.095đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử 05/11/2019 là 23.221.848đ.

Kể từ ngày 06/11/2019, bà Phạm Thị K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD 1620900334(8471053), được ký kết giữa bà Phạm Thị K với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBANK Chi nhánh Đà Nẵng – PGD Hải Châu) cho đến khi bà K thanh toán xong khoản nợ gốc.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.875.197đ (Hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm chín mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.177.985đ (Một triệu, một trăm bảy mươi bảy ngàn, chín trăm tám mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009555 ngày 13/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà Phạm Thị K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

